TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆTNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 138/2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 26- 4-2018
V/v: Tranh chấp, xin ly hôn
giữa chị T với anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thế Minh

-Các *Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Cư
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Mộng Thu- thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Taân Châu mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2018/TLST – HNGĐ ngày 08/02/2018.về việc "Tranh chấp, ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/ 2018/ QĐXXST- HNGĐ ngày 22/3/2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1995; địa chỉ cư trú: Số 25, tổ 11, khóm Long An A, phường Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang(có mặt);

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1997; địa chỉ cư trú: Số 117, tổ 2, khóm Long Thạnh, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Mộng T đề ngày 26/12/2017 và bản tự khai của anh Nguyễn Thanh T cũng như tại tại phiên tòa hôm nay thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mộng T với anh Nguyễn Thanh T tự tìm hiểu yêu nhau và có tổ chức lễ cưới vào năm 2015 nhưng hai người không có đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống hai người thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nhưng không có gì lớn lắm, đến tháng 6/2017 thì hai người ly thân nhau. Nay chị T xin ly hôn với anh T, anh T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn do đó anh T đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Chị T với anh T chưa có con.

- Về tài sản chung: Giữa chị T với anh T tự thương lượng phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T với anh T thống nhất hai người không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ vụ án được công bố thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây gọi HĐXX) xét thấy:

[1]Vê áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án "tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Sự kiện pháp lý xảy ra, theo đơn khởi của chị Nguyễn Thị Mộng T đề ngày 26/12/2017 xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh T vì vậy cần áp dụng luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án

Về nội dung:

[3]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mộng T với anh Nguyễn Thanh T tự tìm hiểu yêu nhau và có tổ chức lễ cưới vào năm 2015 nhưng hai người không có đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống hai người thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nhưng không có gì lớn lắm, đến tháng 6/2017 thì hai người ly thân nhau. Nay chị T xin ly hôn với anh T, anh T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn do đó anh T đồng ý ly hôn với chị T.

Qua trình bày của chị T và anh T cho thấy, khi chị T với anh T tổ chức lễ cưới khi đó hai người chưa đủ điều kiện để đăng ký kết hôn(chưa đủ tuổi), nhưng đến nay thì anh chị đã đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, do chị T với anh T không đăng ký kết hôn, theo quy định của pháp luật, anh chị không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ giữa chị T với anh T không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng, mặc dù anh chị đã thống nhất thuận tình ly hôn nhau, nhưng vẫn không được pháp luật công nhận. Do đó, HĐXX nghĩ nên tuyên bố không công nhận giữa chị T với anh T là vợ chồng là phù hợp quy định của pháp luật .

[4]. Về con chung: Chị T với anh T thừa nhận với nhau đến nay anh chị chưa có con, do đó: HĐXX không đặt ra để giải quyết;

[5]. Về tài sản và nợ chung: Theo chị T và anh T trình bày hai người tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không đặt ra để gải quyết.

[6]Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mộng T là nguyên đơn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị Quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu 300.000 đồng, chị T được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0001539 ngày 08/01/2018 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khỏan 1 Điều 28; Điều 35; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: không công nhân giữa chị Nguyễn Thị Mộng T với anh Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị T với anh T chưa có con.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị T và anh T tự thỏa thuận phân chia.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng, chị Nguyễn Thị Mộng T được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0001539 ngày 08/01/2018 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TA tỉnh An Giang;
-VKSND tỉnh An Giang;
-VKSND thị xa Tân Châu;
-THA thị xã Tân Châu;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thế Minh